

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

A/ QUY ĐỊNH CHUNG

I- NGUYÊN TẮC KHAI THUẾ GTGT

1. Trách nhiệm nộp hồ sơ khai thuế GTGT cho cơ quan thuế

a) Người nộp thuế (NNT) nộp hồ sơ khai thuế GTGT cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

Trường hợp trong kỳ kê khai không phát sinh các hoạt động mua bán HHDV thì NNT vẫn phải lập tờ khai và gửi đến cơ quan thuế

Trường hợp trong thời gian tạm ngừng kinh doanh không phát sinh nghĩa vụ thuế thì NNT không phải nộp hồ sơ khai thuế của thời gian tạm ngừng hoạt động kinh doanh.

a.1) NNT khi tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn ghi trong thông báo phải có thông báo bằng văn bản mẫu số 23/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 28/06/2016 gửi cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp và cơ quan cấp Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn.

a.2) Thời hạn tạm ngừng kinh doanh không được quá 01 (một) năm. Sau khi hết thời hạn ghi trên thông báo, nếu NNT vẫn tiếp tục tạm ngừng kinh doanh thì phải gửi thông báo tiếp cho cơ quan thuế và cơ quan cấp Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh kỳ tiếp theo.

Tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp không được quá 02 (hai) năm.

a.3) NNT khi tạm ngừng kinh doanh nếu có mã số thuế nộp thay thì mã số thuế nộp thay được Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế tự động cập nhật theo mã số thuế của người nộp thuế.

b) Trường hợp người nộp thuế có đơn vị trực thuộc kinh doanh ở địa phương cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cùng nơi người nộp thuế có trụ sở chính thì người nộp thuế thực hiện khai thuế giá trị gia tăng chung cho cả đơn vị trực thuộc.

Nếu đơn vị trực thuộc có con dấu, tài khoản tiền gửi ngân hàng, trực tiếp bán hàng hóa, dịch vụ, kê khai đầy đủ thuế giá trị gia tăng đầu vào, đầu ra có nhu cầu kê khai nộp thuế riêng phải đăng ký nộp thuế riêng và sử dụng hóa đơn riêng.

Trường hợp người nộp thuế có hoạt động kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn, massage, karaoke thì kê khai thuế GTGT tại Chi cục Thuế quận, huyện nơi kinh doanh.

c) Trường hợp người nộp thuế có đơn vị trực thuộc kinh doanh ở địa phương cấp tỉnh khác nơi người nộp thuế có trụ sở chính thì đơn vị trực thuộc nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp của đơn vị trực thuộc; nếu đơn vị trực thuộc không trực tiếp bán hàng, không phát sinh doanh thu thì thực hiện khai thuế tập trung tại trụ sở chính của người nộp thuế.

Đối với trường hợp người nộp thuế có dự án kinh doanh bất động sản ở địa phương cấp tỉnh khác nơi người nộp thuế có trụ sở chính, có thành lập đơn vị trực thuộc (chi nhánh, Ban quản lý dự án...) thì người nộp thuế phải thực hiện đăng ký thuế và nộp thuế theo phương pháp khấu trừ đối với hoạt động kinh doanh bất động sản với cơ quan thuế địa phương nơi phát sinh hoạt động kinh doanh bất động sản.

Trường hợp các đơn vị trực thuộc của cơ sở kinh doanh nông, lâm, thủy sản đã đăng ký, thực hiện kê khai nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, có thu mua hàng hóa là nông, lâm, thủy sản để điều chuyển, xuất bán về trụ sở chính của cơ sở kinh doanh thì khi điều chuyển, xuất bán, đơn vị trực thuộc sử dụng Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, không sử dụng hóa đơn GTGT.

d) Trường hợp người nộp thuế kê khai, nộp thuế theo phương pháp khấu trừ có cơ sở sản xuất trực thuộc (bao gồm cả cơ sở gia công, lắp ráp) không trực tiếp bán hàng, không phát sinh doanh thu đóng trên địa bàn cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính thì:

Nếu cơ sở sản xuất trực thuộc có hạch toán kế toán thì phải đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ tại địa phương nơi sản xuất, khi điều chuyển bán thành phẩm hoặc thành phẩm, kể cả xuất cho trụ sở chính phải sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng làm căn cứ kê khai, nộp thuế tại địa phương nơi sản xuất.

Nếu cơ sở sản xuất trực thuộc không thực hiện hạch toán kế toán thì người nộp thuế thực hiện khai thuế tại trụ sở chính và nộp thuế cho các địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp cho các địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc được xác định theo tỷ lệ 2% (đối với hàng hóa chịu thuế suất thuế GTGT 10%) hoặc theo tỷ lệ 1% (đối với hàng hóa chịu thuế suất thuế GTGT 5%) trên doanh thu theo giá chưa có thuế GTGT của sản phẩm sản xuất ra. Việc xác định doanh thu của sản phẩm sản xuất ra được xác định trên cơ sở giá thành sản phẩm hoặc doanh thu của sản phẩm cùng loại tại địa phương nơi có cơ sở sản xuất.

Trường hợp tổng số thuế giá trị gia tăng phải nộp cho các địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc do người nộp thuế xác định theo nguyên tắc nêu trên lớn hơn số thuế giá trị gia tăng phải nộp của người nộp thuế tại trụ sở chính thì người nộp thuế tự phân bổ số thuế phải nộp cho các địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc như sau: Số thuế giá trị gia tăng phải nộp cho địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc được xác định bằng (=) số thuế giá trị gia tăng phải nộp của người nộp thuế tại trụ sở chính nhân (x) với tỷ lệ (%) giữa doanh thu theo giá chưa có thuế giá trị gia tăng của sản phẩm do cơ sở trực thuộc sản xuất ra hoặc sản phẩm cùng loại tại địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc trên tổng doanh thu theo giá chưa có thuế giá trị gia tăng của sản phẩm sản xuất ra của toàn doanh

nghiệp. Nếu người nộp thuế không phát sinh số thuế phải nộp tại trụ sở chính thì người nộp thuế không phải nộp thuế cho các địa phương nơi có cơ sở sản xuất.

Người nộp thuế phải lập và gửi “Bảng phân bổ thuế GTGT cho địa phương nơi đóng trụ sở chính và cho các địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc không thực hiện hạch toán kế toán” theo mẫu số 01-6/GTGT kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính cùng với hồ sơ khai thuế tới cơ quan thuế quản lý trực tiếp, đồng thời gửi một bản Bảng phân bổ mẫu số 01-6/GTGT nêu trên tới các cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ sở sản xuất trực thuộc.

Căn cứ số thuế giá trị gia tăng được phân bổ giữa địa phương nơi đóng trụ sở chính của người nộp thuế và các địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc trên Bảng phân bổ theo mẫu số 01-6/GTGT nêu trên, người nộp thuế lập chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng cho địa phương nơi có trụ sở chính và từng địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc. Trên chứng từ nộp thuế phải ghi rõ nộp vào tài khoản thu ngân sách nhà nước tại Kho bạc nhà nước đồng cấp với cơ quan thuế nơi trụ sở chính đăng ký kê khai thuế và địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc.

Ví dụ 1: Công ty A trụ sở tại Hồ Chí Minh có 2 đơn vị sản xuất trực thuộc không thực hiện hạch toán kế toán đóng tại Đồng Nai và Cần Thơ. Sản phẩm sản xuất ra thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT là 10% và do trụ sở chính xuất bán.

Trong kỳ khai thuế tháng 3/2017: doanh thu theo giá chưa có thuế giá trị gia tăng của sản phẩm sản xuất ra tại nhà máy ở Đồng Nai là 500 triệu; doanh thu theo giá chưa có thuế giá trị gia tăng của sản phẩm sản xuất ra tại nhà máy ở Cần Thơ là 600 triệu. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp tại trụ sở chính của công ty A (theo tờ khai 01/GTGT) trong kỳ là: 25 triệu đồng.

Số thuế GTGT mà Công ty A phải nộp cho Đồng Nai là:

$$500 \text{ triệu} \times 2\% = 10 \text{ triệu đồng.}$$

Số thuế GTGT mà Công ty A phải nộp cho Cần Thơ là:

$$600 \text{ triệu} \times 2\% = 12 \text{ triệu đồng.}$$

Số thuế GTGT mà Công ty A phải nộp cho TP. Hồ Chí Minh là:

$$25 \text{ triệu} - 10 \text{ triệu} - 12 \text{ triệu} = 3 \text{ triệu đồng.}$$

Ví dụ 2: Công ty A trụ sở tại TP. Hồ Chí Minh có 3 nhà máy sản xuất trực thuộc không thực hiện hạch toán kế toán đóng tại TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Cần Thơ. Sản phẩm sản xuất ra do trụ sở chính xuất bán.

Trong kỳ khai thuế tháng 3/2017: doanh thu theo giá chưa có thuế giá trị gia tăng của sản phẩm sản xuất ra tại nhà máy ở Đồng Nai là 500 triệu; doanh thu theo giá chưa có thuế giá trị gia tăng của sản phẩm sản xuất ra tại nhà máy ở Cần Thơ là 600 triệu; doanh thu theo giá chưa có thuế giá trị gia tăng của sản phẩm sản xuất ra tại nhà máy ở TP. Hồ Chí Minh là 200 triệu.

Số thuế GTGT phải nộp tại trụ sở chính của Công ty A (theo tờ khai 01/GTGT) trong kỳ là: 20 triệu đồng.

Theo nguyên tắc tạm nộp tại các địa phương theo tỷ lệ 2% doanh thu đối với hàng hóa chịu thuế 10%, Công ty A xác định số thuế GTGT phải nộp cho Đồng Nai và Cần Thơ là: $500 \text{ triệu} \times 2\% + 600 \text{ triệu} \times 2\% = 22 \text{ triệu}$. Như vậy khi xác định theo nguyên tắc này thì số thuế phải nộp cho các địa phương sẽ lớn hơn số thuế GTGT phải nộp của Công ty A tại trụ sở chính. Vì vậy, Công ty A tự phân bổ số thuế GTGT phải nộp cho các địa phương như sau:

Số thuế GTGT mà Công ty A phải nộp cho Đồng Nai là:

$$20 \text{ triệu} \times 500 \text{ triệu} / (500 \text{ triệu} + 600 \text{ triệu} + 200 \text{ triệu}) = 7.69 \text{ triệu đồng.}$$

Số thuế GTGT mà Công ty A phải nộp cho Cần Thơ là:

$$20 \text{ triệu} \times 600 \text{ triệu} / (500 \text{ triệu} + 600 \text{ triệu} + 200 \text{ triệu}) = 9.23 \text{ triệu đồng.}$$

Số thuế GTGT mà Công ty A phải nộp cho TP. Hồ Chí Minh là:

$$20 \text{ triệu} - 7.69 \text{ triệu} - 9.23 \text{ triệu} = 3.08 \text{ triệu đồng.}$$

Ví dụ 3: Công ty A trụ sở tại Hà Nội có 2 đơn vị sản xuất trực thuộc không thực hiện hạch toán kế toán đóng tại Đồng Nai và Cần Thơ. Sản phẩm sản xuất ra do trụ sở chính xuất bán.

Trong kỳ khai thuế tháng 3/2017: doanh thu theo giá chưa có thuế giá trị gia tăng của sản phẩm sản xuất ra tại nhà máy ở Đồng Nai là 400 triệu; doanh thu theo giá chưa có thuế giá trị gia tăng của sản phẩm sản xuất ra tại nhà máy ở Cần Thơ là 500 triệu. Tháng 03/2017, Công ty A không phát sinh số thuế phải nộp tại trụ sở chính. Công ty A cũng không phải nộp thuế giá trị gia tăng cho Đồng Nai và Cần Thơ.

đ) Trường hợp người nộp thuế có hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh mà giá trị công trình xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh bao gồm cả thuế GTGT từ 1 tỷ đồng trở lên, và chuyển nhượng bất động sản ngoại tỉnh không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, mà không thành lập đơn vị trực thuộc tại địa phương cấp tỉnh khác nơi người nộp thuế có trụ sở chính (sau đây gọi là kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai, chuyển nhượng bất động sản ngoại tỉnh) thì người nộp thuế phải nộp hồ sơ khai thuế cho cơ quan thuế quản lý tại địa phương có hoạt động xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai và chuyển nhượng bất động sản ngoại tỉnh.

Ví dụ 4: Công ty A trụ sở tại TP. Hồ Chí Minh, ký hợp đồng cung cấp xi măng cho Công ty B có trụ sở tại Hà Nội, theo hợp đồng, hàng hóa sẽ được Công ty A giao tại công trình mà công ty B đang xây dựng tại Hà Nội, thì hoạt động bán hàng này không được gọi là bán hàng vãng lai ngoại tỉnh. Công ty A thực hiện kê khai thuế GTGT tại TP. Hồ Chí Minh, không phải thực hiện kê khai bán hàng vãng lai đối với doanh thu từ hợp đồng bán hàng cho Công ty B tại Hà Nội.

Ví dụ 5: Công ty B có trụ sở tại TP. Hồ Chí Minh, có các kho hàng tại Hải Phòng, Nghệ An không có chức năng kinh doanh. Khi Công ty B xuất bán hàng hóa tại kho ở Hải Phòng cho Công ty C tại Hưng Yên thì Công ty B không phải kê khai thuế GTGT bán hàng vãng lai tại địa phương nơi có các kho hàng (Hải Phòng, Nghệ An).

Ví dụ 6:

- Công ty A có trụ sở tại TP. Hồ Chí Minh, ký hợp đồng với Công ty B chỉ để thực hiện tư vấn, khảo sát, thiết kế công trình được xây dựng tại Bình Dương mà Công ty B là chủ đầu tư thì hoạt động này không phải hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt ngoại tỉnh. Công ty A thực hiện khai thuế GTGT đối với hợp đồng này tại trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh, không phải thực hiện kê khai tại Bình Dương.

- Công ty A có trụ sở tại TP. Hồ Chí Minh, ký hợp đồng với Công ty C để thực hiện công trình được xây dựng (trong đó có bao gồm cả hoạt động khảo sát, thiết kế) tại Bình Dương mà Công ty C là chủ đầu tư thì Công ty A thực hiện khai thuế GTGT xây dựng vắng lai đối với hợp đồng này tại Bình Dương.

Ví dụ 7: Công ty B trụ sở tại TP. Hồ Chí Minh bán máy điều hòa cho khách tại Tây Ninh (bao gồm cả lắp đặt) thì Công ty B không phải nộp vắng lai tại Tây Ninh.

Ví dụ 8: Công ty A có trụ sở tại TP. Hồ Chí Minh mua 10 căn nhà thuộc 1 dự án của Công ty B tại tỉnh Long An. Sau đó Công ty A bán lại các căn nhà này và thực hiện xuất hóa đơn cho khách hàng C thì Công ty A phải thực hiện kê khai, nộp thuế đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản ngoại tỉnh theo tỷ lệ % doanh thu với cơ quan thuế tại tỉnh Long An.

e) Trường hợp người nộp thuế có công trình xây dựng, lắp đặt ngoại tỉnh liên quan tới nhiều địa phương như: xây dựng đường giao thông, đường dây tải điện, đường ống dẫn nước, dẫn dầu, dẫn khí,..., không xác định được doanh thu của công trình ở từng địa phương cấp tỉnh thì người nộp thuế khai thuế giá trị gia tăng của doanh thu xây dựng, lắp đặt ngoại tỉnh chung với hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng tại trụ sở chính và nộp thuế GTGT cho các tỉnh nơi có công trình đi qua. Số thuế GTGT phải nộp cho các tỉnh được tính theo tỷ lệ (%) giá trị đầu tư của công trình tại từng tỉnh do người nộp thuế tự xác định nhân (x) với 2% doanh thu chưa có thuế GTGT của hoạt động xây dựng công trình.

Số thuế GTGT đã nộp (theo chứng từ nộp thuế) của hoạt động xây dựng công trình liên tỉnh được trừ (-) vào số thuế phải nộp trên Tờ khai thuế GTGT (mẫu số 01/GTGT) của người nộp thuế tại trụ sở chính.

Người nộp thuế lập Bảng phân bổ số thuế GTGT phải nộp cho các địa phương nơi có công trình xây dựng, lắp đặt liên tỉnh (mẫu số 01-7/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính) và sao gửi kèm theo Tờ khai thuế GTGT cho Cục Thuế nơi được hưởng nguồn thu thuế GTGT.

2. Khai thuế giá trị gia tăng theo quý

a) Đối tượng khai thuế GTGT theo quý

- Khai thuế theo quý áp dụng đối với người nộp thuế giá trị gia tăng có tổng doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề từ 50 tỷ đồng trở xuống.

- Trường hợp người nộp thuế mới bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh việc khai thuế giá trị gia tăng được thực hiện theo quý. Sau khi sản xuất kinh doanh đủ 12 tháng thì từ năm dương lịch tiếp theo sẽ căn cứ theo mức doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ của năm dương lịch trước liền kề (đủ 12 tháng) để thực hiện khai thuế giá trị gia tăng theo tháng hay theo quý.

Ví dụ 9:

- Doanh nghiệp A bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh từ tháng 01/2017 thì năm 2017 doanh nghiệp A thực hiện khai thuế GTGT theo quý. Doanh nghiệp căn cứ vào doanh thu của năm 2017 (đủ 12 tháng của năm dương lịch) để xác định năm 2018 thực hiện khai thuế tháng hay khai quý.

- Doanh nghiệp B bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh từ tháng 8/2016 thì năm 2016, 2017 doanh nghiệp B thực hiện khai thuế GTGT theo quý. Doanh nghiệp căn cứ vào doanh thu của năm 2017 để xác định năm 2018 thực hiện khai thuế theo tháng hay theo quý.

- Người nộp thuế có trách nhiệm tự xác định thuộc đối tượng khai thuế theo tháng hay khai thuế theo quý để thực hiện khai thuế theo quy định.

Trường hợp người nộp thuế đủ điều kiện và thuộc đối tượng khai thuế GTGT theo quý muốn chuyển sang khai thuế theo tháng thì gửi thông báo (theo Mẫu số 07/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính) cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là cùng với thời hạn nộp tờ khai thuế GTGT của tháng đầu tiên của năm bắt đầu khai thuế GTGT theo tháng.

b) Thời kỳ khai thuế theo quý

- Việc thực hiện khai thuế theo quý hay theo tháng được ổn định trọn năm dương lịch và ổn định theo chu kỳ 3 năm. Riêng chu kỳ ổn định đầu tiên được xác định tính kể từ ngày 01/10/2014 đến hết ngày 31/12/2016.

Ví dụ 10: Doanh nghiệp D năm 2016 có tổng doanh thu là 57 tỷ đồng nên thuộc diện khai thuế GTGT theo tháng từ ngày 01/01/2017. Doanh thu năm 2016 do doanh nghiệp kê khai (kể cả trường hợp khai bổ sung) hoặc do kiểm tra, thanh tra kết luận là 48 tỷ đồng thì doanh nghiệp D vẫn thực hiện khai thuế GTGT theo tháng đến hết năm 2019. Từ năm 2020 sẽ xác định lại chu kỳ khai thuế mới dựa trên doanh thu của năm 2019.

- Trong chu kỳ khai thuế ổn định theo quý, nếu người nộp thuế tự phát hiện hoặc qua thanh tra, kiểm tra, cơ quan thuế kết luận doanh thu của năm trước liền kề của chu kỳ khai thuế ổn định này trên 50 tỷ đồng, người nộp thuế không đủ điều kiện để khai thuế giá trị gia tăng theo quý của chu kỳ ổn định đó thì từ năm tiếp theo liền kề của năm phát hiện cho đến hết chu kỳ ổn định, người nộp thuế phải thực hiện khai thuế giá trị gia tăng theo tháng.

Ví dụ 11: Doanh nghiệp E năm 2016 có tổng doanh thu trên tờ khai thuế GTGT là 47 tỷ đồng nên thuộc diện khai thuế GTGT theo quý từ ngày 01/01/2017. Năm 2017, cơ quan thuế thanh tra kết luận doanh thu tính thuế GTGT của năm 2016 tăng thêm 5 tỷ đồng so với số liệu kê khai là 52 tỷ đồng, thì năm 2018 doanh

ng nghiệp E thực hiện khai thuế GTGT theo tháng. Từ năm 2020 sẽ xác định lại chu kỳ khai thuế mới dựa trên doanh thu của năm 2019.

Ví dụ 12: Doanh nghiệp G năm 2016 có tổng doanh thu trên tờ khai thuế GTGT là 47 tỷ đồng nên thuộc diện khai thuế GTGT theo quý từ ngày 01/01/2017. Năm 2017, Doanh nghiệp G tự khai bổ sung doanh thu tính thuế GTGT của năm 2016 tăng thêm 5 tỷ so với số liệu kê khai là 52 tỷ, thì năm 2018 doanh nghiệp G thực hiện khai thuế GTGT theo tháng. Từ năm 2020 sẽ xác định lại chu kỳ khai thuế mới dựa trên doanh thu của năm 2019.

- Trong chu kỳ khai thuế ổn định theo tháng, nếu người nộp thuế tự phát hiện hoặc qua thanh tra, kiểm tra, cơ quan thuế kết luận doanh thu của năm trước liền kề của chu kỳ khai thuế ổn định này từ 50 tỷ đồng trở xuống, người nộp thuế đủ điều kiện để khai thuế giá trị gia tăng theo quý của chu kỳ ổn định đó thì người nộp thuế được lựa chọn hình thức khai thuế theo tháng hoặc quý từ năm tiếp theo liền kề của năm phát hiện cho đến hết chu kỳ ổn định.

c) Cách xác định doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ năm trước liền kề làm điều kiện xác định đối tượng khai thuế giá trị gia tăng theo quý

- Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ được xác định là Tổng doanh thu trên các Tờ khai thuế giá trị gia tăng của các kỳ tính thuế trong năm dương lịch (bao gồm cả doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng, doanh thu không phải tính và kê khai nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính và doanh thu không chịu thuế giá trị gia tăng).

- Trường hợp người nộp thuế thực hiện khai thuế tại trụ sở chính cho đơn vị trực thuộc thì doanh thu bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm cả doanh thu của đơn vị trực thuộc.

II- HỒ SƠ KHAI THUẾ GTGT

1. Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng tháng, quý áp dụng phương pháp khấu trừ thuế:

1.1- Đối tượng áp dụng

Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ bao gồm:

a) Cơ sở kinh doanh đang hoạt động có doanh thu hàng năm từ bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ từ một tỷ đồng trở lên và thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ, trừ hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp hướng dẫn tại Điều 13 Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính;

b) Cơ sở kinh doanh đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế, trừ hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp hướng dẫn tại Điều 13 Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính;

c) Tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác dầu, khí nộp thuế theo phương pháp khấu trừ do bên Việt Nam kê khai khấu trừ nộp thay.

1.2- Hồ sơ khai thuế

- Tờ khai thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính.

Trường hợp người nộp thuế có hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai, chuyên nhượng bất động sản ngoại tỉnh hoặc có cơ sở sản xuất trực thuộc tại địa phương khác nơi đóng trụ sở chính thì người nộp thuế nộp cùng Tờ khai thuế GTGT tài liệu sau:

- Bảng tổng hợp số thuế giá trị gia tăng đã nộp của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai, chuyên nhượng bất động sản ngoại tỉnh (nếu có) theo mẫu số 01-5/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

- Bảng phân bổ thuế GTGT cho địa phương nơi đóng trụ sở chính và cho các địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc không thực hiện hạch toán kế toán (nếu có) theo mẫu số 01-6/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

- Bảng phân bổ số thuế GTGT phải nộp cho các địa phương nơi có công trình xây dựng, lắp đặt liên tỉnh (nếu có) theo mẫu số 01-7/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính.

2. Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng của dự án đầu tư

2.1- Đối tượng áp dụng

- Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư (trừ dự án đầu tư xây dựng nhà để bán hoặc cho thuê mà không hình thành tài sản cố định) tại địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cùng nơi đóng trụ sở chính, đang trong giai đoạn đầu tư thì lập hồ sơ khai thuế riêng cho dự án đầu tư và phải bù trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho dự án đầu tư với thuế giá trị gia tăng của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện. Sau khi bù trừ nếu có số thuế giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ mua vào sử dụng cho dự án đầu tư mà chưa được bù trừ hết theo mức quy định của pháp luật về thuế GTGT thì được hoàn thuế giá trị gia tăng cho dự án đầu tư.

- Trường hợp người nộp thuế có dự án đầu tư (trừ dự án đầu tư xây dựng nhà để bán hoặc cho thuê mà không hình thành tài sản cố định) tại địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính, đang trong giai đoạn đầu tư chưa đi vào hoạt động, chưa đăng ký kinh doanh, chưa đăng ký thuế, thì người nộp thuế lập hồ sơ khai thuế riêng cho dự án đầu tư và nộp tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp nơi đóng trụ sở chính. Nếu số thuế GTGT của hàng

hoá, dịch vụ mua vào sử dụng cho dự án đầu tư theo mức quy định của pháp luật về thuế GTGT thì được hoàn thuế giá trị gia tăng cho dự án đầu tư.

- Trường hợp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền (đối với trường hợp không phải cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) có quy định rõ tiến độ thực hiện dự án đầu tư và việc đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư, thì người nộp thuế được xét hoàn thuế đối với dự án đầu tư phù hợp với tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo hướng dẫn tại Khoản 12 (a) Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC. Trường hợp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền (đối với trường hợp không phải cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) không quy định rõ tiến độ thực hiện dự án đầu tư và việc đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư, thì kể từ thời điểm có doanh thu từ dự án đầu tư, người nộp thuế không được kê khai riêng số thuế GTGT đầu vào phát sinh từ dự án đầu tư mà phải tổng hợp kê khai cùng với thuế GTGT của hoạt động sản xuất kinh doanh và đề nghị hoàn thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Trường hợp người nộp thuế đang trong quá trình đầu tư có phát sinh doanh thu từ hoạt động đầu tư (bán phế liệu, bán sản phẩm chạy thử,...) thì người nộp thuế kê khai doanh thu phát sinh từ hoạt động đầu tư vào tờ khai 01/GTGT và phải bù trừ số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư với số thuế phát sinh trên tờ khai 01/GTGT. Số thuế GTGT được kết chuyển của dự án đầu tư tối đa bằng số thuế GTGT phải nộp trên tờ khai 01/GTGT.

- Trường hợp người nộp thuế có quyết định thành lập các Ban Quản lý dự án hoặc chi nhánh đóng tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính để thay mặt người nộp thuế trực tiếp quản lý một hoặc nhiều dự án đầu tư tại nhiều địa phương; Ban Quản lý dự án, chi nhánh có con dấu theo quy định của pháp luật, lưu giữ sổ sách chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, có tài khoản gửi tại ngân hàng, đã đăng ký thuế và được cấp mã số thuế thì Ban Quản lý dự án, chi nhánh phải lập hồ sơ khai thuế riêng với cơ quan thuế địa phương nơi đăng ký thuế. Khi dự án đầu tư để thành lập doanh nghiệp đã hoàn thành và hoàn tất các thủ tục về đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế, cơ sở kinh doanh là chủ dự án đầu tư phải tổng hợp số thuế giá trị gia tăng phát sinh, số thuế giá trị gia tăng đã hoàn, số thuế giá trị gia tăng chưa được hoàn của dự án để bàn giao cho doanh nghiệp mới thành lập để doanh nghiệp mới thực hiện kê khai, nộp thuế và đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định với cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

2.2- Hồ sơ khai thuế

Hồ sơ khai thuế GTGT Tờ khai thuế GTGT dành cho dự án đầu tư theo mẫu số 02/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

3. Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng

3.1- Đối tượng áp dụng

CSKD có hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý thì cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng hoạt động này để khai, nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng.

3.2- Hồ sơ khai thuế

Tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu số 03/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014.

4. Hồ sơ khai thuế GTGT tháng/quý tính theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu

4.1- Đối tượng áp dụng:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động có doanh thu hàng năm dưới mức ngưỡng doanh thu một tỷ đồng, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế;

- Doanh nghiệp, hợp tác xã mới thành lập, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ;

- Hộ, cá nhân kinh doanh;

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật, trừ các tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác dầu khí.

- Tổ chức kinh tế khác không phải là doanh nghiệp, hợp tác xã, trừ trường hợp đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

4.2- Hồ sơ khai thuế

Hồ sơ khai thuế là Tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu số 04/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

B/ CÁCH LẬP TỜ KHAI THUẾ GTGT

Kê khai thông tin chung của doanh nghiệp :

Cơ sở kinh doanh phải ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của cơ sở kinh doanh theo đăng ký thuế với cơ quan thuế vào các mã số trên tờ khai như:

- Mã số thuế: Ghi mã số thuế được cơ quan thuế cấp khi đăng ký nộp thuế.

- Tên Người nộp thuế: Khi ghi tên cơ sở kinh doanh phải ghi chính xác tên như tên đã đăng ký trong tờ khai đăng ký thuế, không sử dụng tên viết tắt hay tên thương mại.

- Địa chỉ trụ sở: Ghi đúng theo địa chỉ nơi đặt văn phòng trụ sở đã đăng ký với cơ quan thuế.

- Số điện thoại, số Fax và địa chỉ E-mail của doanh nghiệp để cơ quan thuế có thể liên lạc khi cần thiết.

- Ngành nghề kinh doanh chính, số tài khoản ngân hàng và ngày bắt đầu năm tài chính đối với tờ khai thu nhập doanh nghiệp và thu nhập cá nhân.

Kê khai cụ thể các chỉ tiêu thông tin NNT:

- Chỉ tiêu số [01]: **kỳ kê khai của NNT, kỳ phát sinh các nghĩa vụ kê khai theo tờ khai**

- Chỉ tiêu số [02], [03]: Các tờ khai được lập lần đầu trong hạn kê khai (trước ngày 20 hàng tháng) thì đánh dấu vào chỉ tiêu số [02]; Nếu NNT sau khi hết hạn kê khai phát hiện tờ khai có sai sót, kê khai bổ sung thì đánh dấu vào chỉ tiêu số [03], lần kê khai bổ sung (1,2,3...)

- Từ chỉ tiêu số [04] đến chỉ tiêu số [11]: **NNT kê khai theo Tờ khai đăng ký thuế của NNT**

- Từ chỉ tiêu số [12] đến chỉ tiêu số [20]: Trường hợp NNT ký hợp đồng kê khai với Đại lý thuế, đại lý thuế kê khai thay NNT có trách nhiệm kê khai chính xác các thông tin theo đăng ký thuế của đại lý vào chỉ tiêu số [12] đến số [20]

I- TỜ KHAI THUẾ GTGT (MẪU 01/GTGT)

Áp dụng đối với Người nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế.

1. Phần A: Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ

- Chỉ tiêu [21]: Nếu trong kỳ kê khai không phát sinh các hoạt động mua bán HHDV thì NNT vẫn phải lập tờ khai và gửi đến cơ quan thuế. Trên tờ khai, NNT đánh dấu “X” vào ô chỉ tiêu [21] - Chỉ tiêu A “Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ”.

Khi đánh dấu “X” vào chỉ tiêu [21], NNT không cần phải điền số 0 vào ô mã số của các chỉ tiêu phản ánh giá trị và thuế GTGT của HHDV mua vào, bán ra trong kỳ.

2. Phần B: Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang

- Chỉ tiêu [22]: **Số thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số thuế đã ghi trên chỉ tiêu [43] của Tờ khai thuế GTGT kỳ trước.

Số thuế còn phải nộp không được ghi vào chỉ tiêu này. NNT nếu có số thuế nộp thiếu kỳ trước thì phải nộp đủ số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước.

3. Phần C: Kê khai thuế GTGT phải nộp NSNN

a) HHDV mua vào trong kỳ

- Chỉ tiêu [23]: **Giá trị và thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào – Giá trị HHDV**

Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị HHDV mua vào trong kỳ chưa có thuế GTGT.

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này toàn bộ giá trị của hóa đơn GTGT mua HHDV (kể cả hóa đơn đặc thù như tem, vé), giá trị HHDV nhập khẩu, chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu, nộp thay cho nhà thầu nước ngoài phục vụ hoạt động SXKD dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT và sử dụng cho các hoạt động cung cấp hàng hoá, dịch vụ không kê khai, nộp thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế và HHDV dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ thuế:

- Chỉ tiêu [24]: **Giá trị và thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào – Thuế GTGT**

Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ.

Lưu ý:

- Trường hợp người bán đã xuất hóa đơn, người mua đã nhận hàng, bên bán và bên mua đã thực hiện kê khai thuế GTGT theo quy định. Sau đó, bên bán và bên mua phát hiện hàng hóa đã giao không đúng quy cách, chất lượng phải trả lại một phần hay toàn bộ hàng hóa, điều chỉnh giá trị hàng hóa bán ra thì bên mua phải lập hóa đơn trả lại hàng hóa hoặc bên bán lập hóa đơn điều chỉnh giảm giá theo quy định. Căn cứ hóa đơn trả lại hàng hoặc hóa đơn điều chỉnh giảm giá, bên mua điều chỉnh doanh số mua và thuế GTGT đầu vào tại kỳ tính thuế phát sinh hóa đơn trả lại hàng hoặc phát sinh hóa đơn điều chỉnh. Không lập hồ sơ khai bổ sung, điều chỉnh.

- Trường hợp người nộp thuế phát hiện hóa đơn, chứng từ của các kỳ trước bị bỏ sót chưa kê khai thì thực hiện kê khai, khấu trừ bổ sung vào tại kỳ tính thuế phát hiện hóa đơn bỏ sót nhưng phải trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định, kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

- Chỉ tiêu [25]: **Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này**

Trường hợp CSKD chỉ kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT: Chỉ tiêu [25] bằng số liệu chỉ tiêu [24].

Trường hợp CSKD vừa kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT, không hạch toán riêng được số thuế GTGT khấu trừ phải thực hiện phân bổ:

+ Đối với tờ khai thuế GTGT từ tháng 1 đến tháng 11 (đối với trường hợp kê khai theo tháng) và từ Quý 1 đến Quý 3 (đối với trường hợp kê khai theo quý):

Chỉ tiêu [25] bằng (=) số thuế GTGT của HHDV mua vào dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ và sử dụng cho các hoạt động cung cấp HHDV không phải tính, khai, nộp thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ trong tháng hoặc quý + (số thuế GTGT của HHDV mua vào dùng chung không hạch

toán riêng được đủ điều kiện khấu trừ thuế trong quý hoặc tháng nhân (x) Doanh thu bán ra chịu thuế GTGT (kể cả doanh thu bán ra không phải tính khai, nộp thuế GTGT) chia (/) Tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong tháng hoặc quý của kỳ kê khai).

Ví dụ 13:

Trong tháng 3 năm 2017, Công ty sản xuất phần mềm A có số liệu kê khai về thuế GTGT như sau:

- Thuế GTGT đầu vào:

DVT: Đồng VN

Nội dung	Tổng số thuế GTGT đầu vào
Tổng số	55.000.000
- Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng cho sản xuất phần mềm xuất khẩu	30.000.000
- Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng cho sản xuất phần mềm bán trong nước	18.000.000
- Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng chung cho hoạt động quản lý kinh doanh của Công ty	7.000.000

- Tổng doanh thu của HHDV bán ra: 1.000.000.000 đồng

Trong đó:

+ *Doanh thu của hoạt động sản xuất phần mềm xuất khẩu chịu thuế GTGT 0%: 600.000.000 đồng*

+ *Doanh thu của hoạt động sản xuất phần mềm bán trong nước không chịu thuế GTGT: 400.000.000 đồng*

- Công ty sản xuất phần mềm tính phân bổ số thuế GTGT đầu vào dùng chung cho hoạt động quản lý kinh doanh của Công ty theo tỷ lệ % doanh thu chịu thuế trên tổng doanh thu của tháng 03/2017 như sau:

- Thuế GTGT đầu vào dùng chung được khấu trừ trong năm :

(7.000.000 x 600.000.000 / 1.000.000.000) đồng = 4.250.000 đồng

- Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong tháng 03/2017:

(30.000.000 + 4.250.000) đồng = 34.250.000 đồng

+ Riêng Tờ khai thuế GTGT của tháng 12 của năm (đối với trường hợp kê khai theo tháng) hoặc quý 4 (đối với trường hợp kê khai theo quý):

Chỉ tiêu [25] bằng (=) số thuế GTGT của HHDV mua vào dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ và sử dụng cho các hoạt động cung cấp HHDV không phải tính, khai và nộp thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ trong tháng 12 hoặc quý 4 + (số thuế GTGT của HHDV mua vào dùng chung không hạch toán riêng được đủ điều kiện khấu trừ thuế trong tháng 12 hoặc quý 4 nhân (x) Doanh thu bán ra chịu thuế GTGT (kể cả doanh thu bán ra không phải tính và kê khai nộp thuế GTGT) chia (/) Tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong tháng 12 hoặc quý 4) – (Số thuế GTGT của HHDV mua vào dùng chung đã kê khai khấu trừ từ tháng 1 đến tháng 11 (đối với trường hợp kê khai theo tháng) hoặc quý I, II, III (đối với trường hợp kê khai theo quý)).

Ví dụ 14:

Công ty sản xuất phần mềm A kê khai thuế GTGT theo quý, Trong năm 2017 có số liệu kê khai về thuế GTGT như sau:

- Thuế GTGT đầu vào:

ĐVT: Đồng VN

Nội dung	Tổng số thuế GTGT đầu vào cả năm 2017	Số thuế GTGT đầu vào của Quý 1, 2 và 3/2017		Số thuế GTGT đầu vào của quý 4/2017
		Tổng số	Trong đó: Thuế GTGT đã tính khấu trừ Quý 1, 2 và 3/2017	
Tổng số	567.000.000	417.000.000	334.000.000	150.000.000
- Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng cho sản xuất phần mềm xuất khẩu	384.000.000	304.000.000	304.000.000	80.000.000
- Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng cho sản xuất phần mềm bán trong nước	108.000.000	58.000.000	0	50.000.000
- Thuế GTGT của HHDV mua vào	75.000.000	55.000.000	30.000.000	20.000.000

dùng chung cho hoạt động quản lý kinh doanh của Công ty				
---	--	--	--	--

- Tổng doanh thu của HHDV bán ra: 10.950.000.000 đồng

Trong đó:

+ *Doanh thu của hoạt động sản xuất phần mềm xuất khẩu chịu thuế GTGT 0%: 6.940.000.000 đồng*

+ *Doanh thu của hoạt động sản xuất phần mềm bán trong nước không chịu thuế GTGT: 4.010.000.000 đồng*

- Công ty sản xuất phần mềm tính phân bổ số thuế GTGT đầu vào dùng chung cho hoạt động quản lý kinh doanh của Công ty quý 4/2017 theo tỷ lệ % doanh thu chịu thuế trên tổng doanh thu của cả năm. Công ty thực hiện phân bổ số thuế GTGT đầu vào trong quý 4/2017, Công ty điều chỉnh như sau:

- Thuế GTGT đầu vào dùng chung được khấu trừ trong năm :

(75.000.000 x 6.940.000.000 / 10.950.000.000) đồng = 47.350.000 đồng

- Số thuế GTGT đầu vào dùng chung được khấu trừ trong quý 4/2017:

(47.350.000 – 30.000.000) đồng = 17.350.000 đồng

- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong quý 4/2017 là:

80.000.000 + 17.350.000 = 97.350.000 đồng

b) HHDV bán ra trong kỳ

- Số liệu ghi vào chỉ tiêu là toàn bộ giá trị và thuế GTGT của HHDV bán ra phát sinh trong kỳ kê khai.

- Trường hợp người bán đã xuất hóa đơn, người mua đã nhận hàng, bên bán và bên mua đã thực hiện kê khai thuế GTGT theo quy định. Sau đó, bên bán và bên mua phát hiện hàng hóa đã giao không đúng quy cách, chất lượng phải trả lại một phần hay toàn bộ hàng hóa, điều chỉnh giá trị hàng hóa bán ra thì bên mua phải lập hóa đơn trả lại hàng hóa hoặc bên bán lập hóa đơn điều chỉnh giảm giá theo quy định. Căn cứ hóa đơn trả lại hàng hoặc hóa đơn điều chỉnh giảm giá, bên bán thực hiện kê khai điều chỉnh doanh số bán và thuế GTGT đầu ra tại kỳ tính thuế phát sinh hóa đơn trả lại hàng hoặc phát sinh hóa đơn điều chỉnh giảm giá. Không lập hồ sơ khai bổ sung, điều chỉnh.

- Trường hợp người nộp thuế phát hiện hóa đơn GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước bị bỏ sót chưa kê khai thì người bán phải kê khai, điều chỉnh, hóa đơn đầu ra xuất bán phát sinh kỳ nào thì thực hiện khai bổ sung, điều chỉnh (Mẫu 01/KHBS ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính) kỳ tính thuế phát sinh hóa đơn đó theo quy định.

Cách lập từng chỉ tiêu của Tờ khai như sau:

- **Chỉ tiêu [26]:** HHDV bán ra không chịu thuế GTGT

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số giá trị HHDV bán ra trong kỳ.

- **Chỉ tiêu [27]:** HHDV bán ra chịu thuế GTGT – Giá trị HHDV

Chỉ tiêu [27] = Chỉ tiêu [29] + Chỉ tiêu [30] + Chỉ tiêu [32]

- **Chỉ tiêu [28]:** HHDV bán ra chịu thuế GTGT - Thuế GTGT

Chỉ tiêu [28] = Chỉ tiêu [31] + Chỉ tiêu [33]

- **Chỉ tiêu [29]:** HHDV bán ra chịu thuế suất 0%

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số giá trị HHDV xuất khẩu và coi như xuất khẩu có thuế suất 0%.

- **Chỉ tiêu [30]:** HHDV bán ra chịu thuế suất 5% - Giá trị HHDV

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số giá trị HHDV bán ra có thuế suất 5%.

- **Chỉ tiêu [31]:** HHDV bán ra chịu thuế suất 5% - Thuế GTGT

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số thuế GTGT của HHDV bán ra có thuế suất 5%.

- **Chỉ tiêu [32]:** HHDV bán ra chịu thuế suất 10% - Giá trị HHDV

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số giá trị HHDV bán ra có thuế suất 10%.

- **Chỉ tiêu [33]:** HHDV bán ra chịu thuế suất 10% - Thuế GTGT

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng số thuế GTGT của HHDV bán ra có thuế suất 10%

- **Chỉ tiêu [34]: Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra - Giá trị HHDV**

Chỉ tiêu [34] = Chỉ tiêu [26] + Chỉ tiêu [27]

- **Chỉ tiêu [35]: Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra - Thuế GTGT**

Chỉ tiêu [35] = Chỉ tiêu [28]

c) Thuế GTGT phát sinh trong kỳ

Chỉ tiêu [36] = Chỉ tiêu [35] - Chỉ tiêu [25]

d) Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước

- **Chỉ tiêu [37]: Điều chỉnh giảm**

Nhập điều chỉnh giảm số thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước (nếu trong kỳ có kê khai bổ sung bản giải trình 01/ KHBS).

- Chỉ tiêu [38]: **Điều chỉnh tăng**

Nhập điều chỉnh tăng số thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước (nếu trong kỳ có kê khai bổ sung bản giải trình 01/ KHBS).

Lưu ý khi kê khai điều chỉnh tăng giảm chỉ tiêu này:

- Trường hợp CSKD khai bổ sung hồ sơ khai thuế làm tăng số thuế GTGT chưa khấu trừ hết của kỳ tính thuế có sai sót, CSKD khai vào chỉ tiêu “Điều chỉnh tăng số thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước” trên tờ khai thuế GTGT của kỳ lập hồ sơ khai thuế hiện tại.

- Người nộp thuế thành lập mới từ dự án đầu tư khi nhận bàn giao số thuế GTGT từ chủ dự án đầu tư thì kê khai vào chỉ tiêu “Điều chỉnh tăng số thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước” trên tờ khai 01/GTGT của kỳ tính thuế nhận bàn giao.

Người nộp thuế thành lập mới từ dự án đầu tư đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết của dự án đầu tư nhỏ hơn 300 triệu đồng thì kê khai số thuế GTGT chưa được khấu trừ hết của dự án đầu tư vào chỉ tiêu “Điều chỉnh tăng số thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước” trên tờ khai 01/GTGT của kỳ tính thuế bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Người nộp thuế nhận số thuế GTGT còn được khấu trừ từ đơn vị sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thì kê khai vào chỉ tiêu “Điều chỉnh tăng số thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước” trên tờ khai 01/GTGT của kỳ tính thuế nhận được Thông báo chuyển nghĩa vụ thuế.

- Trường hợp CSKD khai bổ sung hồ sơ khai thuế làm tăng tiền thuế phải nộp thì số thuế GTGT phải nộp thêm, CSKD không ghi vào chỉ tiêu này trên Tờ khai thuế GTGT của kỳ lập hồ sơ khai bổ sung, điều chỉnh.

- Trường hợp CSKD khai bổ sung hồ sơ khai thuế làm giảm tiền thuế phải nộp thì số thuế GTGT điều chỉnh giảm được tính giảm nghĩa vụ thuế phải nộp (bù trừ số thuế phải nộp của kỳ sau), CSKD không ghi vào chỉ tiêu này trên Tờ khai thuế GTGT của kỳ lập hồ sơ khai bổ sung, điều chỉnh.

- Trường hợp cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành kết luận, quyết định xử lý về thuế liên quan đến tăng, giảm số thuế GTGT còn được khấu trừ thì người nộp thuế thực hiện khai điều chỉnh vào hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế nhận được kết luận, quyết định xử lý về thuế theo kết luận, quyết định xử lý về thuế của cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền (người nộp thuế không phải lập hồ sơ khai bổ sung).

đ) Thuế GTGT đã nộp ở địa phương khác của hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng, bất động sản ngoại tỉnh

- Chỉ tiêu [39]: **Thuế GTGT đã nộp ở địa phương khác của hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng, bất động sản ngoại tỉnh**

Số liệu lấy từ dòng tổng số tiền thuế đã nộp (cột 6) của Bảng kê 01-5/GTGT.

e) Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:

- Chỉ tiêu [40a]: **Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ**

Chỉ tiêu [40a] = Chỉ tiêu [36] - Chỉ tiêu [22] + Chỉ tiêu [37] - Chỉ tiêu [38] - Chỉ tiêu [39] => 0

- Chỉ tiêu [40b]: **Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế**

Số liệu chỉ tiêu này tương ứng với chỉ tiêu 28a “Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư” trên tờ khai 02/GTGT. Giá trị tại chỉ tiêu 28a trên tờ khai 02/GTGT không được lớn hơn giá trị chỉ tiêu [40a].

- Chỉ tiêu [40]: **Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ**

Chỉ tiêu [40] = Chỉ tiêu [40a] - Chỉ tiêu [40b]

- Chỉ tiêu [41]: **Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này**

Chỉ tiêu [40a] = Chỉ tiêu [36] - Chỉ tiêu [22] + Chỉ tiêu [37] - Chỉ tiêu [38] - Chỉ tiêu [39] < 0

- Chỉ tiêu [42]: **Tổng số thuế GTGT đề nghị hoàn**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số thuế GTGT mà NNT đề nghị hoàn theo chế độ quy định.

Nếu NNT đã đề nghị hoàn thuế đối với số thuế chưa được khấu trừ hết trong kỳ thì không được đưa số thuế này vào số thuế được khấu trừ của kỳ khai thuế tiếp theo.

Khi NNT đã ghi số liệu vào ô Chỉ tiêu [42] thì phải lập và gửi hồ sơ đề nghị hoàn thuế theo qui định cho cơ quan thuế để được xét hoàn thuế.

NNT được khai bổ sung hồ sơ khai thuế đối với chỉ tiêu đề nghị hoàn trên tờ khai GTGT khấu trừ trong trường hợp điều chỉnh giảm số thuế đã đề nghị hoàn trên tờ khai do chưa đảm bảo trường hợp được hoàn và chưa làm hồ sơ đề nghị hoàn thì lập hồ sơ khai bổ sung đồng thời khai số tiền thuế đề nghị hoàn điều chỉnh giảm và chỉ tiêu “Điều chỉnh tăng số thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước” trên tờ khai thuế GTGT của kỳ lập hồ sơ khai thuế hiện tại.

- Chỉ tiêu [43]: **Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau**

Chỉ tiêu [43] = Chỉ tiêu [41] - Chỉ tiêu [42]

II- TỜ KHAI THUẾ GTGT DÀNH CHO DỰ ÁN ĐẦU TƯ (MẪU 02/GTGT)

1. Chỉ tiêu [21]: Thuế GTGT chưa được hoàn kỳ trước chuyển sang

Số thuế GTGT chưa được hoàn của kỳ tính thuế trước (chỉ tiêu [32]) được ghi vào chỉ tiêu [21] của Tờ khai thuế GTGT kỳ này.

1a. Chỉ tiêu [21a]: Thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư nhận bàn giao từ chủ dự án đầu tư

Trường hợp trong kỳ có phát sinh số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư nhận bàn giao từ chủ dự án đầu tư thì kê khai vào chỉ tiêu này.

2. Kê khai thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư

2.1. HHDV mua vào trong kỳ

- Chỉ tiêu [22]: Giá trị HHDV (chưa có thuế GTGT)

Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị HHDV mua vào trong kỳ dùng cho dự án đầu tư chưa có thuế GTGT.

- Chỉ tiêu [23]: Thuế GTGT

Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện khấu trừ thuế GTGT.

2.2. Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước

- Các chỉ tiêu [24], [25], [26] và [27]:

Nhập số liệu điều chỉnh tăng hoặc giảm giá trị, thuế GTGT của HHDV mua vào dành cho dự án đầu tư của các kỳ tính thuế trước. Trường hợp này có kèm theo bản giải trình 01/KHBS.

3. Chỉ tiêu [28]: Tổng số thuế GTGT đầu vào của HHDV mua vào

$$\text{Chỉ tiêu [28]} = \text{Chỉ tiêu [23]} + \text{Chỉ tiêu [25]} - \text{Chỉ tiêu [27]}$$

4. Chỉ tiêu [28a]: Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư (cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) bù trừ với thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế

Các trường hợp kê khai riêng cho dự án đầu tư cùng hoặc khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải bù trừ với số thuế GTGT của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện. Chỉ tiêu [28a] được nhập và đưa lên chỉ tiêu [40b] của Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này cần được so sánh, đối chiếu với chỉ tiêu [40a] của Tờ khai 01/GTGT và chỉ tiêu [28] của Tờ khai 02/GTGT.

+ Trường hợp số liệu ghi ở chỉ tiêu [28] của Tờ khai 02/GTGT lớn hơn chỉ tiêu [40a] của Tờ khai 01/GTGT thì chỉ tiêu [28a] được kê tối đa bằng giá trị của chỉ tiêu [40a].

+ Trường hợp số liệu ghi ở chỉ tiêu [28] của Tờ khai 02/GTGT nhỏ hơn chỉ tiêu [40a] của Tờ khai 01/GTGT thì chỉ tiêu [28a] được kê tối đa bằng giá trị của chỉ tiêu [28].

Sau khi bù trừ nếu có số thuế GTGT của HHDV mua vào sử dụng cho dự án đầu tư mà chưa được bù trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT cho dự án đầu tư.

5. Chỉ tiêu [29]: **Thuế GTGT đầu vào chưa được hoàn đến kỳ tính thuế của dự án đầu tư**

Chỉ tiêu [29] = Chỉ tiêu [21] + Chỉ tiêu [21a] + Chỉ tiêu [28] - Chỉ tiêu [28a]

6. Thuế GTGT đề nghị hoàn

6.1. Chỉ tiêu [30a]: **Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá nhập khẩu thuộc loại trong nước chưa sản xuất được để tạo tài sản cố định đã đề nghị hoàn**

Trường hợp trong kỳ tính thuế, có phát sinh số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa nhập khẩu thuộc loại trong nước chưa sản xuất được để tạo tài sản cố định, người nộp thuế đã đề nghị hoàn theo mẫu số 01/ĐNHT được ghi vào chỉ tiêu này.

6.2. Chỉ tiêu [30]: **Thuế GTGT đầu vào còn lại của dự án đầu tư đề nghị hoàn**

Chỉ tiêu [30] <= Chỉ tiêu [29] - Chỉ tiêu [30a]

7. Chỉ tiêu [31]: **Thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư chưa được hoàn bàn giao cho doanh nghiệp mới thành lập trong kỳ**

Sau khi dự án đầu tư hoàn thành đi vào hoạt động thì Người nộp thuế phải bàn giao toàn bộ số thuế GTGT đầu vào chưa được hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư, Người nộp thuế ghi số thuế GTGT chưa được hoàn vào chỉ tiêu này.

8. Chỉ tiêu [32]: **Thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư chưa được hoàn chuyển kỳ sau**

Chỉ tiêu [32] = Chỉ tiêu [29] - Chỉ tiêu [30a] - Chỉ tiêu [30] - Chỉ tiêu [31]

III- TỜ KHAI THUẾ GTGT (MẪU 03/GTGT) (DÀNH CHO NGƯỜI NỘP THUẾ MUA, BÁN, CHẾ TÁC VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ)

1. Chỉ tiêu [21]: **Giá trị gia tăng âm được kết chuyển kỳ trước**

Trường hợp trong kỳ tính thuế trước (tháng/ quý) không có phát sinh GTGT dương (-) hoặc GTGT dương (+) không đủ bù trừ GTGT âm (-) thì được kết chuyển để trừ vào GTGT của kỳ này. Số liệu kết chuyển vào kỳ này được lấy từ chỉ tiêu [26] trong tờ khai thuế GTGT số 03/GTGT của kỳ tính thuế trước.

Lưu ý: GTGT âm của kỳ trước chỉ được kết chuyển sang kỳ sau trong năm dương lịch. Kết thúc năm dương lịch, GTGT âm (-) không được kết chuyển tiếp sang năm sau.

2. Chỉ tiêu [22]: **Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra**

Là tổng doanh số bán ra vàng, bạc, đá quý (đã có thuế GTGT) trong kỳ tính thuế

3. Chỉ tiêu [23]: **Giá vốn của hàng hoá, dịch vụ mua vào**

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là giá trị vàng, bạc, đá quý mua vào hoặc nhập khẩu, đã có thuế GTGT dùng cho mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý bán ra tương ứng.

4. Chỉ tiêu [24]: **Điều chỉnh tăng giá trị gia tăng âm của các kỳ trước**

Trường hợp trong kỳ tính thuế, người nộp thuế phát hiện ra đã khai thiếu, sai sót làm phát sinh tăng GTGT âm (-) của kỳ tính thuế trước thì người nộp thuế được kê khai điều chỉnh tăng GTGT âm (-) của kỳ trước vào kỳ này.

Trường hợp này phải có kèm theo bản giải trình 01/KHBS.

5. Chỉ tiêu [25]: **Điều chỉnh giảm giá trị gia tăng âm của các kỳ trước**

Trường hợp trong kỳ tính thuế, người nộp thuế phát hiện ra đã khai thiếu, sai sót làm phát sinh giảm GTGT âm (-) của kỳ tính thuế trước thì người nộp thuế được kê khai điều chỉnh giảm GTGT âm (-) của kỳ trước vào kỳ này.

Trường hợp này phải có kèm theo bản giải trình 01/KHBS.

6. Chỉ tiêu [26]: **Giá trị gia tăng (GTGT) chịu thuế trong kỳ**

Chỉ tiêu [26] = Chỉ tiêu [22] - Chỉ tiêu [23] - Chỉ tiêu [21] - Chỉ tiêu [24] + Chỉ tiêu [25]

7. Chỉ tiêu [27]: **Thuế GTGT phải nộp**

Chỉ tiêu [27] = Chỉ tiêu [26] x Thuế suất thuế GTGT

IV- TỜ KHAI THUẾ GTGT (MẪU 04/GTGT) (DÀNH CHO NGƯỜI NỘP THUẾ TÍNH THUẾ THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP TRÊN DOANH THU)

1. Chỉ tiêu [21]: **Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất 0% và không chịu thuế**

Ghi tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế suất 0% và không chịu thuế GTGT (không phân biệt nhóm ngành kinh doanh).

Cột (4) “Doanh thu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế” và Cột (5) “Tỷ lệ GTGT” được chi tiết theo từng nhóm ngành nghề thuộc danh mục nhóm ngành nghề.

2. Phân phối, cung cấp hàng hóa

- Chỉ tiêu [22]: **Doanh thu HHDV chịu thuế**

Ghi tổng doanh thu hàng hóa dịch vụ chịu thuế GTGT thuộc nhóm ngành “Phân phối, cung cấp hàng hóa”.

- Chỉ tiêu [23]: **Thuế giá trị gia tăng phải nộp**

Chỉ tiêu [23] = Chỉ tiêu [22] x 1%

3. Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu

- Chỉ tiêu [24]: **Doanh thu HHDV chịu thuế**

Ghi tổng doanh thu hàng hóa dịch vụ chịu thuế GTGT thuộc nhóm ngành “Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu”.

- Chỉ tiêu [25]: **Thuế giá trị gia tăng phải nộp**

Chỉ tiêu [25] = Chỉ tiêu [24] x 5%

4. Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu

- Chỉ tiêu [26]: **Doanh thu HHDV chịu thuế**

Ghi tổng doanh thu hàng hóa dịch vụ chịu thuế GTGT thuộc nhóm ngành “Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu”.

- Chỉ tiêu [27]: **Thuế giá trị gia tăng phải nộp**

Chỉ tiêu [27] = Chỉ tiêu [26] x 3%

5. Hoạt động kinh doanh khác

- Chỉ tiêu [28]: **Doanh thu HHDV chịu thuế**

Ghi tổng doanh thu hàng hóa dịch vụ chịu thuế GTGT thuộc nhóm ngành “Hoạt động kinh doanh khác”.

- Chỉ tiêu [29]: **Thuế giá trị gia tăng phải nộp**

Chỉ tiêu [29] = Chỉ tiêu [28] x 2%

6. Tổng cộng

- Chỉ tiêu [30]: **Doanh thu HHDV chịu thuế**

Chỉ tiêu [30] = Chỉ tiêu [22] + Chỉ tiêu [24] + Chỉ tiêu [26] + Chỉ tiêu [28]

- Chỉ tiêu [31]: **Thuế giá trị gia tăng phải nộp**

Chỉ tiêu [31] = Chỉ tiêu [23] + Chỉ tiêu [25] + Chỉ tiêu [27] + Chỉ tiêu [29]

7. Chỉ tiêu [32]: Tổng doanh thu

Chỉ tiêu [32] = Chỉ tiêu [21] + Chỉ tiêu [30]

8. Chỉ tiêu [33]: Tổng số thuế giá trị gia tăng phải nộp

Chỉ tiêu [33] = Chỉ tiêu [31]

V- TỜ KHAI THUẾ GTGT (MẪU 05/GTGT) (TẠM NỘP TRÊN DOANH SỐ ĐỐI VỚI KINH DOANH NGOẠI TỈNH)

1) Đối tượng áp dụng:

Trường hợp người nộp thuế có hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh mà giá trị công trình xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh bao gồm cả thuế GTGT từ 1 tỷ đồng trở lên, và chuyển nhượng bất động sản ngoại tỉnh mà không thành lập đơn vị trực thuộc tại địa phương cấp tỉnh khác nơi người nộp thuế có trụ sở chính (sau đây gọi là kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai, chuyển nhượng bất động sản ngoại tỉnh) thì người nộp thuế phải nộp hồ sơ khai thuế cho cơ quan thuế quản lý tại địa phương có hoạt động xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai và chuyển nhượng bất động sản ngoại tỉnh theo Tờ khai thuế GTGT (mẫu 05/GTGT) ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2) Cách lập Tờ khai

1. Doanh số của hàng hoá dịch vụ chịu thuế

- Chỉ tiêu [21]: **HHDV chịu thuế 5%**

Ghi doanh số của HHDV chịu thuế suất 5%.

- Chỉ tiêu [22]: **HHDV chịu thuế 10%**

Ghi doanh số của HHDV chịu thuế suất 10%.

2. Tỷ lệ % tạm nộp tính trên doanh thu

- Chỉ tiêu [23]: **HHDV chịu thuế 5%**

Ghi tỷ lệ 1%.

- Chỉ tiêu [24]: **HHDV chịu thuế 10%**

Ghi tỷ lệ 2%.

3. Số thuế tạm tính phải nộp kỳ này

- Chỉ tiêu [25]: **HHDV chịu thuế 5%**

Chỉ tiêu [25] = Chỉ tiêu [21] x 1%

- Chỉ tiêu [26]: **HHDV chịu thuế 10%**

Chỉ tiêu [26] = Chỉ tiêu [22] x 2%

4. Tổng số thuế phải nộp

Chỉ tiêu [27] = Chỉ tiêu [25] + Chỉ tiêu [26]